

TIỀM NĂNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO HỌC SINH TRONG MÔN NGỮ VĂN

VŨ THỊ LOAN*

Ngày nhận bài: 16/05/2016; ngày sửa chữa: 18/05/2016; ngày duyệt đăng: 23/05/2016.

Abstract: Integrated education with soft skills has been taken into consideration in teaching Philology in Vietnam. This is the subject with potential to develop soft skills for students through skills to write essay, skills to learn Vietnamese language, skills to read Literature works, etc.

Keywords: Literature, Philology, education with soft skills, integrated education.

1. Ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu về *kỹ năng mềm* (KNM) và việc giáo dục KNM cho thanh, thiếu niên. Trong những năm gần đây, giáo dục KNM được tích cực đưa vào trường học bằng nhiều hình thức khác nhau, đó là: 1) Đưa KNM thành một môn học riêng, giảng dạy chính khóa với thời lượng số tiết nhất định; 2) Tổ chức các buổi học ngoại khóa, những buổi nói chuyện cùng chuyên gia, các hoạt động tập thể để giáo dục KNM cho học sinh (HS); 3) Tích hợp giáo dục KNM trong các môn học. Ba hình thức giáo dục này có những đặc điểm, ưu thế riêng trong việc hình thành, rèn luyện KNM cho các em. Tùy từng độ tuổi, từng KNM mà nhà giáo dục lựa chọn hình thức phù hợp.

Tích hợp giáo dục KNM trong các môn học chính là tận dụng đặc điểm của các môn học để giáo dục các KNM cần thiết cho HS và đây đang là xu hướng được nhiều nhà giáo dục quan tâm và sử dụng.

Môn *Ngữ văn* (NV) trong trường phổ thông có sự tích hợp của 3 phân môn *Văn*, *Tiếng Việt*, *Làm văn*. Phân môn *Văn* với mục đích giúp HS cảm thụ được cái hay, cái đẹp, giá trị của các tác phẩm văn chương; *Làm văn* giúp các em có thể nêu suy nghĩ, ý kiến, nhận định của mình về một vấn đề nào đó trong văn học hoặc trong đời sống; *Tiếng Việt* giúp các em thấy được đặc điểm, bản chất, cách sử dụng của tiếng Việt trong các văn bản và trong đời sống... Với đặc điểm như vậy, môn NV có rất nhiều tiềm năng trong việc tích hợp giáo dục KNM cho các em.

2. Trong dạy học NV, KNM có thể được tích hợp giáo dục ở cả hai phương diện: các hình thức dạy học của giáo viên (GV) và HS và nội dung dạy học. Tùy vào từng nội dung bài học mà GV lựa chọn các hình thức dạy học phù hợp để đạt được mục tiêu đã đề ra đồng thời có thể tích hợp giáo dục các KNM cần thiết cho HS.

2.1. Tích hợp giáo dục các KNM trong hình thức tổ chức dạy học. Hình thức tổ chức dạy học được hiểu là hoạt động tổ chức của GV và HS theo một trình tự nhất

định trong những không gian và địa điểm xác định nhằm đạt được mục tiêu dạy và học đã đề ra. Có rất nhiều hình thức tổ chức hoạt động dạy học mà GV có thể lựa chọn sử dụng trong giờ dạy của mình.

Trong giờ học NV, GV có thể sử dụng kết hợp nhiều hình thức dạy học khác nhau như: thảo luận nhóm, đóng vai, trò chơi, vấn đáp... Mỗi hình thức có những đặc điểm riêng thông qua những hình thức hoạt động dạy học đó mà GV có thể tích hợp giáo dục các KNM cho các em. Cụ thể:

- Ở hình thức *thảo luận nhóm*: GV chia lớp thành các nhóm (nhóm lớn hoặc nhóm nhỏ tùy theo câu hỏi thảo luận), mỗi nhóm được giao một hoặc một số vấn đề nhất định để thảo luận, đưa ra câu trả lời chung của nhóm và trình bày trước lớp. Thông qua hoạt động nhóm, dưới sự hướng dẫn của GV, HS được giáo dục và rèn luyện các KNM như: cộng tác nhóm, làm nhóm trưởng, trình bày trước đám đông, lắng nghe ý kiến của người khác... Những KN này cần thiết và giúp ích cho các em rất nhiều trong các hoạt động tập thể ở nhà trường và ngoài xã hội.

- Ở hình thức *vấn đáp*: GV đưa ra các câu hỏi ngắn, yêu cầu HS suy nghĩ độc lập và trả lời nhanh. Từ việc HS đưa ra câu trả lời trước lớp mà GV rèn luyện cho các em kỹ năng (KN) trả lời câu hỏi ngắn gọn, đúng trọng tâm. Có được KN này HS sẽ không còn ngại phát biểu trong các giờ học khác, đồng thời sẽ giúp ích rất nhiều cho các em khi đi phỏng vấn tìm việc làm sau này.

- Ở hình thức *đóng vai*: hình thức này thường được sử dụng trong dạy học các tác phẩm văn xuôi. Nhiều tác phẩm văn xuôi có sự xuất hiện của nhiều nhân vật, các nhân vật tham gia vào nhiều cuộc hội thoại khác nhau với sự đa dạng của ngôn từ, giọng điệu. GV phân vai HS thành các nhân vật trong tác phẩm và đọc (diễn)

* Cao học K24 - Chuyên ngành Li luận và Phương pháp dạy học Tiếng Việt - Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

trước lớp. Đặc biệt, hình thức này rất có ưu thế trong dạy học kịch. Các văn bản kịch có nhiều lời thoại của các nhân vật, lời thoại của các nhân vật lại có sự thay đổi về giọng điệu, từ ngữ khi giao tiếp với những nhân vật khác nhau trong cùng một vở kịch. Qua phân vai, GV rèn luyện cho các em KN sử dụng giọng điệu phù hợp với từng đối tượng giao tiếp, từng ngữ cảnh nhất định để giao tiếp đạt kết quả cao nhất. Trong chương trình NV ở trung học phổ thông, các em được học hàng loạt các văn bản kịch như: *Tôi và chúng ta (NV9)*, *Bắc Sơn, Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài, Tình yêu và thù hận (NV11)*, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt (NV12)*...

Ngoài ra còn có nhiều hình thức dạy học khác nhau mà GV có thể lựa chọn kết hợp sử dụng trong giờ học để đạt được mục đích dạy học đã đề ra, thông qua các hình thức tổ chức dạy học mà tích hợp giáo dục các KNM cần thiết cho các em. Qua đó, giờ học thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời HS sẽ tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động trong giờ học.

2.2. Tích hợp giáo dục KNM trong nội dung bài học. Ở phương diện nội dung, KNM có thể được tích hợp trong cả ba phân môn: *Văn - Tiếng Việt - Làm văn*. Mỗi phân môn có đặc điểm về nội dung khác nhau thích hợp để lồng ghép giáo dục các KNM khác nhau cho các em. Cụ thể:

2.2.1. Tích hợp giáo dục KNM trong nội dung dạy học phân môn Văn. Trong chương trình gồm các tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau như thơ, truyện ngắn, kịch, chèo, ca dao, tục ngữ... của các tác giả trong và ngoài nước. Với thời lượng số tiết học khá lớn, thông qua nội dung các bài đọc hiểu, GV có thể lồng ghép để giáo dục các KNM cho các em.

Các tác phẩm văn chương có đặc trưng là rất giàu hình tượng và thẩm đẫm tính nhân văn, vì thế thông qua những hình tượng văn học, GV có thể tích hợp giáo dục cho HS các KN như: giao tiếp, kiểm chế cảm xúc, kiên định, cảm thông, chia sẻ, xác định giá trị bản thân...

HS luôn có như cầu giao tiếp, nhưng để giao tiếp đạt hiệu quả cao thì không phải em nào cũng có thể làm được... Trong câu chuyện cười *Lợn cưới áo mới (NV6)* từ lời nói khoe khoang, lỗ bịch không hợp với ngữ cảnh của anh có lợn cưới và anh có áo mới, GV có thể tích hợp giáo dục cho các em thói quen ăn nói chừng mực, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, tránh thói ba hoa, khoác lác, qua đó tạo cho người nghe sự tin tưởng ở mình, đem lại hiệu quả cao trong giao tiếp; ngược lại, nếu cứ khoe khoang, nói năng không đúng mực sẽ làm cho mọi người không tin những gì mà mình nói ra.

Giữ phép lịch sự trong giao tiếp cũng là điều hết sức quan trọng, dù trong hoàn cảnh nào, giao tiếp với ai

chúng ta cũng phải luôn luôn tôn trọng người đang tham gia giao tiếp cùng. Trong những cuộc giao tiếp giữa cậu bé Hồng và người cô trong đoạn trích *Trong lòng mẹ (NV8)*, dù người cô có xưng hô *mày - tao* thì bé Hồng vẫn lễ phép đáp lại; từ cuộc đối đáp giữa 2 nhân vật đó mà GV giáo dục cho các em phép lịch sự, tôn trọng người tham gia giao tiếp: dù mình đang giao tiếp với người “vai trên” hay người “vai dưới” thì cũng cần lựa chọn từ ngữ lịch sự, tôn trọng người đang giao tiếp với mình; và tôn trọng người khác là tôn trọng chính mình, muốn được mọi người tôn trọng thì phải biết cách tôn trọng người khác trước.

Trước những ý kiến, nhận xét của người khác, do không kiên định, không biết cách bảo vệ chính kiến của mình, nhiều người đã “xoay” theo ý kiến của họ. Chính vì thế tính kiên định, biết bảo vệ ý kiến của mình trước ý kiến, nhận xét của người khác là hết sức quan trọng. GV có thể tích hợp giáo dục phẩm chất này cho HS thông qua dạy học các truyện ngụ ngôn như *Treo biển (NV6)*. Từ nhân vật anh bán cá thay đổi nội dung tấm biển theo ý kiến của người khác để rồi cuối cùng cất luôn tấm biển đi mà GV giáo dục cho HS KN bảo vệ ý kiến của mình trước đám đông. Khi nghe ý kiến của người khác nên chọn lọc những ý kiến hợp lí, đồng thời biết đưa ra phản biện để bảo vệ ý kiến của mình, không nên thấy ai nói gì cũng nghe theo để cuối cùng mất đi chính kiến của bản thân.

Truyện *Cuộc chia tay của những con búp bê (NV7)*, *Cô bé bán diêm (NV8)* có nhân vật chính là những em nhỏ, các em đều có hoàn cảnh bất hạnh mẹ mất sớm, bố mẹ chia tay, anh em li tán. Thông qua những câu chuyện đó, GV lồng ghép giáo dục cho các em luôn có sự cảm thông với những con người bất hạnh, biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác, chia sẻ với họ và giúp đỡ họ. Để rồi trong cuộc sống hàng ngày các em biết cảm thông, giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn.

KN tự nhận thức bản thân mình để xác định những giá trị, việc cần làm cũng hết sức quan trọng. Qua câu chuyện cảm động về tình người trong *Chiếc lá cuối cùng (NV8)*, GV giúp các em biết cách tự nhận thức bản thân, sống có trách nhiệm và biết yêu thương mọi người xung quanh..., qua đó biết quý trọng bản thân mình, sống yêu thương, tình nghĩa.

Còn có rất nhiều tác phẩm văn học hay và đặc sắc trong chong chương trình phổ thông mà GV có thể tích hợp giáo dục các KNM cho HS. Lồng ghép giáo dục các KNM trong nội dung bài học sẽ làm cho bài học thêm ý nghĩa, các em sẽ thấy được sự gắn gũi giữa tác phẩm văn chương và cuộc sống hàng ngày.

2.2.2. Tích hợp giáo dục KNM trong nội dung dạy học phần Tiếng Việt. Dạy học Tiếng Việt có mục đích là hướng đến giao tiếp, các em biết vận dụng các kiến thức đã học vào giao tiếp để giao tiếp đạt kết quả cao. Trong các tiết học Tiếng Việt, GV cũng có thể tích hợp giáo dục cho các em những KNM cần thiết trong giao tiếp. Đó là: KN biết tuân thủ các phương châm hội thoại để giao tiếp đạt kết quả cao qua bài *Các phương châm hội thoại (NV9)*; KN biết cách lựa chọn từ ngữ, cách nói phù hợp với đối tượng giao tiếp trong những hoàn cảnh giao tiếp nhất định qua các bài học *Nói giảm, nói tránh, Nghĩa tường minh và hàm ý (NV9)*; KN biết cách từ chối người khác thông qua bài học “*Câu phủ định*” (NV8). Thông qua nhóm bài “*Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, báo chí, chính luận, khoa học, nghệ thuật, hành chính*” mà GV giáo dục, rèn luyện cho các em KN lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với mục đích, hoàn cảnh giao tiếp để giao tiếp đạt kết quả cao.

Như vậy, có thể thấy trong các tiết học Tiếng Việt, GV hoàn toàn có thể tích hợp giáo dục các KNM cho HS để các em có thể vận dụng các kiến thức Tiếng Việt để giao tiếp đạt kết quả cao; có sự chủ động, tự tin tham gia vào bất cứ cuộc giao tiếp nào.

Ngoài ra, trong phân môn Tiếng Việt có hệ thống ngữ liệu đa dạng, phong phú thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Thông qua những ngữ liệu này mà GV cũng có thể tích hợp giáo dục những KNM khác nhau cho HS.

2.2.3. Tích hợp giáo dục KNM trong phân môn Làm văn. Trong phân môn này có các tiết luyện nói, luyện viết; trong đó, các tiết luyện nói rất thích hợp để GV tích hợp giáo dục cho các em KN như: trình bày trước đám đông, lắng nghe và phản hồi tích cực, nhận xét. Có rất nhiều bài luyện nói trong chương trình THCS như: *Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả; Luyện nói về văn miêu tả (NV6); Luyện nói: Bài văn giải thích một vấn đề; Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học (NV7); Luyện nói: Tự sự kết hợp với miêu tả và độc thoại nội tâm (NV9)*... và THPT. Trong các bài luyện nói này, dưới sự hướng dẫn, điều khiển của GV, HS được nói trước lớp, được phản hồi lại những ý kiến đánh giá của các bạn khác. Như vậy chính là GV rèn luyện cho các em KN trình bày trước đám đông và biết cách lắng nghe và phản hồi tích cực, qua đó các em sẽ không còn ngại và tự tin khi phát biểu ý kiến của mình trước đám đông, giúp ích rất nhiều trong học tập và trong cuộc sống sau này.

Trong các tiết luyện viết cũng vậy, GV có thể lồng ghép để tích hợp một số KNM cho các em. Hiện nay, khi cần viết một đơn từ nào đó, các em thường rất lúng túng vì thiếu KN viết văn bản hành chính. Vì vậy, khi dạy học

phần môn này, GV có thể tích hợp giáo dục cho các em KN viết văn bản hành chính thông qua các tiết học như *Viết đơn; Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi (NV6); Văn bản đề nghị; Văn bản báo cáo; Luyện tập làm văn bản đề nghị và văn bản báo cáo (NV7)*,... Khi có được KN này và được luyện tập, HS sẽ không còn lúng túng và biết cách viết các loại văn bản hành chính khi cần thiết.

KN trả lời phỏng vấn cũng rất cần thiết đối với HS, thế nhưng có một thực tế là các em (thậm chí là sinh viên đại học sau khi tốt nghiệp) vẫn còn yếu về KNM này, dẫn đến những khó khăn trong cuộc sống (như khi đi tìm việc làm sau này...). Chính vì thế việc giáo dục KNM trả lời phỏng vấn cho các em khi còn ngồi trên ghế nhà trường là hết sức cần thiết. Thông qua bài *Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn hay Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏng vấn (NV11)* mà GV tích hợp giáo dục cho các em KN khi đi phỏng vấn như: phong cách ăn mặc, tác phong đi đứng, cách trả lời câu hỏi... để các em có thể tự tin hơn.

Như vậy qua những giờ *Làm văn* (mà nhiều người vẫn cho là “khô khan”), GV có thể tích hợp giáo dục cho HS rất nhiều KNM quan trọng và cần thiết trong cuộc sống để từ đó các em thêm yêu thích và thấy được vai trò quan trọng của các giờ học.

Qua một số ví dụ vừa phân tích, có thể khẳng định môn NV có nhiều tiềm năng trong việc tích hợp giáo dục KNM cho HS. Tùy vào nội dung bài học mà GV lựa chọn cho mình những hình thức hoạt động dạy học phù hợp để có thể tích hợp giáo dục các KNM cho HS. Thông qua việc học NV, HS không chỉ được cung cấp các kiến thức về môn NV mà còn học được các KNM thiết yếu của cuộc sống, thực sự cảm nhận được “*Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để tự khẳng định mình*” như mục tiêu giáo dục mà UNESCO đã đề ra. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê A - Nguyễn Quang Ninh - Bùi Minh Toán (2001). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [2] Bộ GD-ĐT (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [3] Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Đặng Hoàng Minh (2011). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở: Tài liệu dùng cho học sinh trung học cơ sở*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Trần Văn Trình - Vũ Phương Liên (2010). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông: Tài liệu dùng cho giáo viên trung học phổ thông*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Lê Hải Yến (2013). *Kỹ năng mềm và kỹ năng sống với giáo dục ngày nay*. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 11.